



KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2024

(Ban hành theo Quyết định số 26.0/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 17 tháng 09 năm 2024 của
Hiệu trưởng trường Cao Đẳng Công Nghệ Thủ Đức)

- | | |
|----------------------------|----------------------------------|
| ▪ Tên ngành, nghề đào tạo: | CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ |
| ▪ Tên tiếng Anh: | AUTOMOTIVE, TRACTOR ENGINEERING |
| ▪ Mã ngành, nghề: | 6510202 |
| ▪ Hình thức đào tạo: | Chính quy |
| ▪ Trình độ: | Cao Đẳng |
| ▪ Đối tượng tuyển sinh: | Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương |
| ▪ Thời gian đào tạo: | 2.5 năm |

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực cơ khí ô tô có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có năng lực tự nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ ứng với trình độ cao đẳng, có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, có năng lực Tiếng Anh, có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc trong nước và khu vực. Đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

Khi kết thúc chương trình, học sinh sinh viên có thể:

- 1.2.1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
- 1.2.1.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh, tiếng anh chuyên ngành;
- 1.2.1.3. Trình bày được những kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin;

- 1.2.1.4. Trình bày được các kiến thức cơ bản về Ô tô, Vẽ kỹ thuật, AutoCAD, Quản lý dịch vụ ô tô, Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả;
- 1.2.1.5. Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các hệ thống trên ô tô: Động cơ, Khung gầm, Điện Ô tô;
- 1.2.1.6. Trình bày được qui trình kiểm tra, chẩn đoán và kiểm định trên ô tô;
- 1.2.1.7. Nhận biết và trình bày được cách vận hành các thiết bị và dụng cụ sử dụng trong chuyên môn nghề;
- 1.2.1.8. Trình bày cách chẩn đoán và xác định các lỗi pan hư hỏng trên ô tô;
- 1.2.1.9. Phân tích được các nguyên nhân gây sai hỏng trên Ô tô;
- 1.2.1.10. Mô tả được các phương pháp hiệu chỉnh các thông số làm việc của các hệ thống trên ô tô, bảo đảm đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất;
- 1.2.1.11. Tiếp thu và chuyển giao được công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;

1.2.2. Kỹ năng:

Chương trình sẽ cung cấp cho học sinh sinh viên những kỹ năng sau đây:

- 1.2.2.1. Sử dụng thành thạo các thiết bị và dụng cụ dùng cho chuyên môn nghề;
- 1.2.2.2. Bảo dưỡng xe đúng qui trình, đảm bảo các thông số và yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất;
- 1.2.2.3. Thực hiện đúng các qui trình kiểm tra và chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô;
- 1.2.2.4. Tháo và lắp thành thạo các chi tiết, các cơ cấu và hệ thống trên ô tô;
- 1.2.2.5. Thực hiện sửa chữa, tháo tác đúng quy định theo yêu cầu kỹ thuật;
- 1.2.2.6. Lập được kế hoạch tổ chức sửa chữa và quản lý các công việc phù hợp với các điều kiện nơi làm việc;
- 1.2.2.7. Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường;

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 1.2.3.1. Chấp hành tốt các qui định pháp luật, chính sách của nhà nước;
- 1.2.3.2. Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- 1.2.3.3. Giải quyết tốt công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi;
- 1.2.3.4. Thực hiện tác phong công nghiệp, có ý thức kỷ luật lao động cao, có trách nhiệm với công việc, thích ứng với môi trường lao động trong bối cảnh hội nhập Quốc tế;
- 1.2.3.5. Chấp hành tốt các nội qui, qui định tại nơi làm việc, có năng lực tự chủ, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ khi được giao;

- 1.2.3.6.** Luôn có tinh thần học hỏi, rèn luyện tính cẩn thận, chịu khó, tập trung, sáng tạo để nâng cao kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu công việc;
- 1.2.3.7.** Tuân thủ các yêu cầu bảo đảm an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- 1.2.3.8.** Đánh giá được các kết quả công việc của mình và của các thành viên trong nhóm.

+ Năng lực ngoại ngữ:

- Có chứng chỉ *Tiếng Anh TOEIC 350* quốc tế hoặc *chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương* hoặc được *đánh giá đạt trong kỳ thi đánh giá năng lực Tiếng Anh chuẩn đầu ra* do Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức tổ chức.
- Hoặc có *chứng chỉ VSTEP* bậc 2 (từ 8.0 điểm trở lên) hoặc bậc 3,4,5 (từ 4.0 điểm trở lên).
- Hoặc có *chứng chỉ Tiếng Hàn Topik 1 cấp độ 2* do Viện Giáo dục quốc tế Quốc gia Hàn Quốc cấp. Hoặc: Có *chứng chỉ Tiếng Nhật JLPT* hoặc *NAT-TEST cấp độ N5*. Nhưng sinh viên phải tham gia học và được *đánh giá đạt các học phần Anh văn Tiếng Anh 1B & 2* trong chương trình đào tạo.
- Lưu ý: Để được tham dự kỳ thi đánh giá năng lực Tiếng Anh chuẩn đầu ra do Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức tổ chức thì sinh viên phải tham gia học và được đánh giá đạt các học phần Anh văn trong chương trình đào tạo.

+ Năng lực sử dụng CNTT:

- Có *chứng chỉ công nghệ thông tin nâng cao* do Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức cấp hoặc có *chứng chỉ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao* theo quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

+ Năng lực sử dụng CNTT:

- Có *chứng chỉ công nghệ thông tin nâng cao* do Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức cấp hoặc có *chứng chỉ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao* theo quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô, sinh viên có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Kỹ thuật viên trạm bảo dưỡng & sửa chữa ô tô tại các showroom ủy quyền của các hãng.

- Nhân viên phụ tùng (quản lý kho)
- Nhân viên bán hàng.
- Nhân viên lắp ráp ô tô.
- Nhân viên cố vấn dịch vụ.
- Kỹ thuật viên sửa chữa xe tại các garage
- Trợ giảng tại các trường trung cấp.

2 Thời gian khóa học: 30 tháng (từ 16/09/2024 đến 27/12/2026).

3 Thời gian học tập:

Trình độ Cao Đẳng: 85 tuần.

Trong đó thời gian ôn, thi kết thúc môn học/học phần: 08/tuần.

4 Thời gian khai giảng, bế giảng: 03 tuần.

5 Quy định phê duyệt chương trình:

Trình độ Cao Đẳng quyết định số:...../QĐ-CNTĐ-QLĐT của Hiệu trưởng trường Cao Đẳng Công Nghệ Thủ Đức.

6 Phân bổ thời gian đào tạo:

- ✓ Số lượng môn học/học phần: 27
- ✓ Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 85 tín chỉ
- ✓ Khối lượng các môn học/học phần chung: 19 tín chỉ
- ✓ Khối lượng các môn học/học phần chuyên môn: 66 tín chỉ
- ✓ Khối lượng lý thuyết: 43 tín chỉ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 42 tín chỉ
- ✓ Thời gian đào tạo: 2,5 năm

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (GIỜ)			Thời gian thi kết thúc môn học/học phần (dự kiến)
			LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	ÔN, KIỂM TRA	
1	DCC100280	Giáo dục chính trị	41	29	5	Từ: 17/02/2025 đến: 01/06/2025
2	DCC100220	Pháp luật	18	10	2	Từ: 16/09/2024 đến: 29/12/2024
3	DCC100191	Tin học	15	57	3	Từ: 16/09/2024 đến: 29/12/2024
4	NNK100040	Tiếng Anh 1B	15	28	2	Từ: 15/09/2025 đến: 28/12/2025
5	NNC100040	Tiếng Anh 2	30	43	2	Từ: 23/06/2026 đến: 07/06/2026
6	DCK100031	Giáo dục thể chất 1	3	26	1	Từ: 16/09/2024 đến: 29/12/2024
7	DCK100032	Giáo dục thể chất 2	2	26	2	Từ: 17/02/2025 đến: 01/06/2025
8	DCC100290	Giáo dục quốc phòng và an ninh	36	35	4	Từ: 15/09/2025 đến: 28/12/2025
9	CSC114070	Nhập môn CNKT ô tô	15	28	2	Từ: 16/09/2024 đến: 29/12/2024
10	CSC102150	Vẽ kỹ thuật	30	28	2	Từ: 17/02/2025 đến: 01/06/2025
11	CSC114060	AutoCAD	30	28	2	Từ: 15/09/2025 đến: 28/12/2025
12	CSC114040	Quản lý dịch vụ ô tô	26	0	2	Từ: 23/06/2026 đến: 07/06/2026

13	TNC114190	Kỹ thuật chuẩn đoán kiểm định ô tô	28	0	2	Từ: 14/09/2026 đến: 27/12/2026
14	CSK114010	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	28	0	2	Từ: 16/09/2024 đến: 29/12/2024
15	CNC114131	Động cơ xăng 1	30	86	4	Từ: 16/09/2024 đến: 29/12/2024
16	CNC114132	Động cơ xăng 2	30	86	4	Từ: 23/06/2026 đến: 07/06/2026
17	CNC114280	Động cơ Diesel	30	86	4	Từ: 23/06/2026 đến: 07/06/2026
18	CNC114241	Gầm ô tô 1	30	86	4	Từ: 17/02/2025 đến: 01/06/2025
19	CNC114242	Gầm ô tô 2	30	86	4	Từ: 15/09/2025 đến: 28/12/2025
20	CNC114261	Điện ô tô 1	30	86	2	Từ: 17/02/2025 đến: 01/06/2025
21	CNC114262	Điện ô tô 2	30	86	2	Từ: 15/09/2025 đến: 28/12/2025
22	CNK114010	Nhiệt - Điện lạnh ô tô	15	58	2	Từ: 23/06/2026 đến: 07/06/2026
23	CNC114200	Thực tập doanh nghiệp	0	132	3	Từ: 17/02/2025 đến: 01/06/2025
24	TNC114170	Chuyên đề Động cơ ô tô	28	0	2	Từ: 14/09/2026 đến: 27/12/2026
25	TNC114160	Chuyên đề Điện ô tô	28	0	2	Từ: 14/09/2026 đến: 27/12/2026
26	TNC114150	Chuyên đề Khung gầm ô tô	28	0	2	Từ: 14/09/2026 đến: 27/12/2026

27	TNC114180	Thực tập tốt nghiệp	0	222	3	Từ: 14/09/2026 đến: 27/12/2026
----	-----------	---------------------	---	-----	---	-----------------------------------

7 Thời gian bắt đầu và kết thúc mỗi học kỳ: (dự kiến)

Stt	Học kỳ	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Học Kỳ I	16/09/2024	29/12/2024
2	Học Kỳ II	17/02/2025	01/06/2025
3	Học Kỳ III	15/09/2025	28/12/2025
4	Học Kỳ IV	23/02/2026	07/06/2026
5	Học Kỳ V	14/09/2026	27/12/2026

8 Quy định về Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo Điều 29, Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo Quyết định số 85/QĐ-CNTĐ-QLĐT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 9 năm 2024

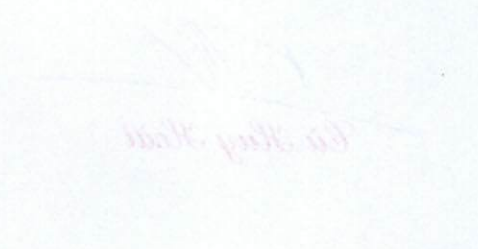
TRƯỞNG KHOA


Lê Huy Hoài

TABLE I	
Year	Population
1950	1,000,000
1955	1,200,000
1960	1,500,000
1965	1,800,000
1970	2,000,000
1975	2,200,000
1980	2,500,000
1985	2,800,000
1990	3,000,000
1995	3,200,000
2000	3,500,000
2005	3,800,000
2010	4,000,000
2015	4,200,000
2020	4,500,000

The population of the country has increased steadily over the years, with a significant rise in the number of people living in urban areas. This growth has led to a corresponding increase in the demand for housing, infrastructure, and public services. The government has implemented various policies to manage this growth, including the development of new housing projects and the improvement of public transportation systems. Despite these efforts, the rapid pace of urbanization continues to pose challenges for the country's future.

The following table shows the population of the country from 1950 to 2020.



to stay there